

Số: 889 /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện một số nội dung
trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn
đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước do Tổng cục Thống kê quản lý**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước do Tổng cục Thống kê quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tất cả các Quyết định trước đây trái với nội dung quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thống kê và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo TCTK;
- Các đơn vị trực thuộc TCTK;
- Kho bạc nhà nước các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Vụ KHTC (05).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bích Lâm

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện một số nội dung
trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn
đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước do Tổng cục Thống kê quản lý

(Ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-TCTK
ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định thẩm quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (sau đây viết gọn là *Tổng cục trưởng*), Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Thống kê và quy định trình tự, thủ tục thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước do Tổng cục Thống kê quản lý theo phân cấp quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện theo quy định riêng của Tổng cục Thống kê và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng cho Cơ quan Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thống kê (sau đây viết gọn là *các đơn vị thuộc Tổng cục*) và các tổ chức, cá nhân khác có tham gia hoạt động về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình do Tổng cục Thống kê quản lý.

Điều 3. Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình do Tổng cục trưởng quyết định sau khi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây viết gọn là *Bộ trưởng*) phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng cục trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư (từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án đến khi kết thúc xây dựng, đưa công trình của dự án vào khai thác, sử dụng) theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 4. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án và dự toán xây dựng công trình

1. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án (sau đây viết gọn là *tổng mức đầu tư*) là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

Tổng mức đầu tư gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá.

Tổng cục trưởng phê duyệt tổng mức đầu tư cùng với việc phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư được phê duyệt là chi phí tối đa chủ đầu tư được phép sử dụng để thực hiện dự án đầu tư.

2. Dự toán xây dựng công trình (sau đây viết gọn là *dự toán xây dựng*) là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công và các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình.

Dự toán xây dựng gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng.

3. Đối với dự án đầu tư chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư là dự toán xây dựng và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

Tổng cục trưởng phê duyệt dự toán xây dựng cùng với việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Dự toán xây dựng công trình được phê duyệt là cơ sở xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đàm phán, ký kết hợp đồng xây dựng trong trường hợp chỉ định thầu (nếu có).

Điều 5. Quy mô của dự án đầu tư

1. Quy mô đầu tư của dự án đầu tư được xác định trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Quyết định số 260/2006/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999.

2. Tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng được xác định theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của

Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên cơ sở quy mô đầu tư của dự án.

Chương II

THẨM QUYỀN TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 6. Thẩm quyền trong việc lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch đầu tư công

1. Thẩm quyền của Tổng cục trưởng

a) Tổ chức lập kế hoạch đầu tư công trung hạn (5 năm), kế hoạch đầu tư công hàng năm (kể cả kế hoạch điều chỉnh) của Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định, phê duyệt;

b) Tổng hợp, lập kế hoạch phân bổ vốn đầu tư, kế hoạch điều chỉnh, kiến nghị kéo dài thời hạn thực hiện và thanh toán vốn đầu tư sang năm sau cho các dự án đầu tư trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm được giao theo quy định của pháp luật, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định;

c) Thông báo danh mục và mức vốn của từng dự án đầu tư đủ điều kiện triển khai trong năm kế hoạch cho các đơn vị sử dụng vốn của Tổng cục Thống kê theo Thông báo kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả vốn điều chỉnh, kéo dài kế hoạch);

d) Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách hàng năm, báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính theo đúng quy định;

đ) Thực hiện nhiệm vụ của đơn vị phân bổ ngân sách trong việc triển khai hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc tích hợp (được viết gọn là hệ thống Tabmis) của Bộ Tài chính; quản lý, theo dõi việc phân bổ dự toán, thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trong hệ thống Tabmis của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê;

e) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Tổng cục Thống kê. Định kỳ hằng quý, hằng năm báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công các dự án thuộc phạm vi quản lý; định kỳ giữa kỳ, cả giai đoạn 05 năm báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo đúng quy định.

Vụ Kế hoạch tài chính có trách nhiệm xây dựng, rà soát, tổng hợp trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định các nội dung nêu trên.

2. Thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư của đơn vị, sắp xếp theo thứ tự, ưu tiên đầu tư gửi Tổng cục Thống kê làm cơ sở xây dựng quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

b) Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư công được giao hàng năm, khối lượng hoàn thành thực tế và tình hình thanh toán để đề xuất kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư dự án đầu tư của đơn vị gửi Tổng cục Thống kê tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Định kỳ hằng quý, hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công được giao trong năm; định kỳ giữa kỳ và cả giai đoạn 05 năm gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn về Tổng cục Thống kê để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định;

d) Báo cáo Tổng cục Thống kê về quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách hàng năm (kèm Bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư), quyết toán các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn của các dự án đầu tư thuộc đơn vị quản lý theo đúng quy định.

Điều 7. Thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư

1. Thẩm quyền của Tổng cục trưởng

a) Thẩm định sơ bộ, tổng hợp Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư của các đơn vị trực thuộc, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Quyết định đầu tư xây dựng, quyết định điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C thuộc phạm vi quản lý. Tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng tiến độ và kế hoạch vốn đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định, thông báo;

c) Quyết định chủ đầu tư của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý (không giao cấp Chi cục Thống kê làm chủ đầu tư xây dựng);

d) Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình trong trường hợp thiết kế hai bước đối với các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;

e) Tổng hợp tình hình thực hiện, kiểm tra, đánh giá hoạt động đầu tư xây dựng và chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý được phân cấp. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và hằng năm về tình

hình quản lý hoạt động đầu tư xây dựng của Tổng cục Thống kê gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, theo dõi và báo cáo Bộ Xây dựng;

g) Giải quyết, phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý các dự án đầu tư do Tổng cục Thống kê quản lý.

2. Thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư của đơn vị;

b) Trong trường hợp được Tổng cục trưởng giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình và là chủ đầu tư dự án thì có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng ủy thác với Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực để thực hiện quản lý dự án (trừ các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Thống kê cấp huyện) theo quy định của pháp luật;

- Lập hồ sơ đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách với cơ quan tài chính ngay sau khi có văn bản phê duyệt dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Tổng cục trưởng theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách;

- Tổ chức thực hiện việc quản lý thi công xây dựng công trình trong suốt thời gian thực hiện dự án đầu tư theo đúng các quy định hiện hành;

- Lập Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành gửi Tổng cục trưởng thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đúng thời hạn quy định.

Chương III

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 8. Trình tự các bước thực hiện dự án đầu tư

1. Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư;
2. Quyết định chủ đầu tư dự án;
3. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình;
4. Thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, điều chỉnh dự toán;
5. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
6. Tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng thi công xây dựng;
7. Quản lý thi công xây dựng công trình;
8. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng, tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư;
9. Quyết toán dự án hoàn thành;

10. Nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng;

11. Lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư

1. Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Căn cứ nhu cầu đầu tư của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư gửi Tổng cục Thống kê trước ngày 31/8 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án được quy định chi tiết tại Điều 36 Luật đầu tư công năm 2014.

2. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư

Tổng cục Thống kê rà soát, tổng hợp, hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn gửi Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31/12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đồng thời chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các dự án đầu tư để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Điều 10. Chủ đầu tư và tổ chức quản lý dự án đầu tư

1. Tổng cục trưởng quyết định chủ đầu tư của dự án sau khi Bộ trưởng quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức đàm phán, ký kết hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực nơi thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng để quản lý thực hiện dự án.

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức bộ phận chuyên môn trực thuộc để giám sát việc thực hiện hợp đồng ủy thác quản lý dự án và phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

Mức chi phí ủy thác quản lý dự án được tính toán trên cơ sở việc phân giao thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án giữa chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực được ủy thác song không vượt quá mức chi phí quản lý dự án tính theo định mức của Bộ Xây dựng.

3. Riêng đối với các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Thống kê cấp huyện, chủ đầu tư được sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc để trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

Điều 11. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực và kinh nghiệm theo quy định của pháp luật để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sau khi đã có quyết định chủ trương đầu tư.

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án nhóm B và dự án nhóm C có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên, cụ thể gồm:

- a) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi (kèm tổng mức đầu tư dự án);
- b) Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án (nếu có);
- c) Thiết kế cơ sở (bao gồm bản vẽ và thuyết minh).

Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Luật Xây dựng năm 2014.

3. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, bao gồm:

- a) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- b) Hồ sơ khảo sát xây dựng (nếu có);
- c) Thiết kế bản vẽ thi công (bao gồm bản vẽ và thuyết minh);
- d) Dự toán xây dựng công trình.

Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng năm 2014.

4. Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Thiết kế cơ sở kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi có quy mô đầu tư phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án; phù hợp giữa các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Thiết kế bản vẽ thi công kèm theo Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có quy mô đầu tư phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án; giải pháp

thiết kế xây dựng hợp lý phù hợp với công năng sử dụng, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình được lập theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015, Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 song không được vượt tổng mức đầu tư dự kiến theo chủ trương đầu tư dự án đã được phê duyệt.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

1. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

a) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm trình 01 bộ hồ sơ (hồ sơ gốc) đến cơ quan thẩm định để tổ chức thẩm định.

Trong trường hợp cơ quan thẩm định yêu cầu, chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện năng lực phù hợp (đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng) để ký kết hợp đồng tư vấn thẩm tra. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan thẩm định làm cơ sở thẩm định dự án, thiết kế cơ sở

b) Hồ sơ trình thẩm định dự án trong trường hợp lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm có: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Cụ thể:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án kiến trúc được lựa chọn (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
- Các văn bản, thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (Nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 54 Luật Xây dựng năm 2014);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh (Nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Xây dựng năm 2014);
- Bản sao có chứng thực về hồ sơ năng lực của các nhà thầu (Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở; Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế);
- Tờ trình thẩm định dự án.

c) Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm có: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015. Cụ thể:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);
- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình;
- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (Nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Luật Xây dựng năm 2014);
- Bản sao có chứng thực về hồ sơ năng lực của các nhà thầu (Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở; Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế);
- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.

2. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư gửi toàn bộ hồ sơ dự án về Tổng cục Thống kê sau khi nhận được kết quả thẩm định dự án, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án hoặc kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Vụ Kế hoạch tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định đầu tư xây dựng (quyết định phê

duyet dự án đầu tư xây dựng hoặc quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng).

3. Để đủ điều kiện khởi công mới trong năm kế hoạch, dự án đầu tư phải được phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch.

Điều 13. Thiết kế xây dựng công trình

1. Lập thiết kế xây dựng công trình

Đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê, số bước thiết kế được quy định cụ thể như sau:

a) Thiết kế một bước là thiết kế bản vẽ thi công được áp dụng đối với dự án lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Thiết kế hai bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công được áp dụng đối với dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công phải phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế cơ sở đã được phê duyệt.

2. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng

Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước đối với các công trình từ cấp II trở xuống trên địa bàn hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Sở Xây dựng đóng trụ sở.

Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế tới Sở Xây dựng để thẩm định, cụ thể gồm:

a) Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

b) Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan;

c) Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt;

d) Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các nhà thầu (thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế); văn bản thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy; báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

đ) Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công so với quy định của hợp đồng.

e) Dự toán xây dựng công trình.

3. Phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng

a) Trong trường hợp thiết kế một bước, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình được Tổng cục trưởng phê duyệt cùng với quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Trong trường hợp thiết kế hai bước, căn cứ kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình của Sở Xây dựng, Vụ Kế hoạch tài chính tổng hợp, trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

Điều 14. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt chỉ được phép điều chỉnh trong các trường hợp:

- Do ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác;

- Xuất hiện yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án khi đã được chủ đầu tư chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại;

- Khi quy hoạch xây dựng thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;

- Khi chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá xây dựng được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt.

b) Dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh phải được cơ quan đã chủ trì thẩm định đối với dự án, thiết kế cơ sở được duyệt tổ chức thẩm định. Tổng cục trưởng phê duyệt dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh trên cơ sở kết quả thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh của cơ quan thẩm định.

c) Trình tự thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh:

- Chủ đầu tư gửi Tờ trình đề nghị Tổng cục trưởng xem xét, chấp thuận chủ trương Điều chỉnh dự án, trong đó cần làm rõ lý do, nội dung, phạm vi điều chỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện;

- Trên cơ sở văn bản chấp thuận của Tổng cục trưởng về chủ trương điều chỉnh dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh, trình cơ quan chủ trì thẩm định theo phân cấp để thẩm định;

- Chủ đầu tư lập Tờ trình kèm kết quả thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh gửi Vụ Kế hoạch tài chính tổng hợp kết quả thẩm định, trình Tổng cục trưởng xem xét, phê duyệt dự án điều chỉnh.

2. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

a) Thiết kế xây dựng đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế xây dựng;
- Trong quá trình thi công xây dựng có yêu cầu phải điều chỉnh thiết kế xây dựng để bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.

b) Thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

- Trong trường hợp việc điều chỉnh dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, Tổng cục trưởng quyết định điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Trong các trường hợp còn lại, chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình và có trách nhiệm báo cáo Tổng cục trưởng về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng, dự toán xây dựng công trình do mình thực hiện.

c) Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh

- Sở Xây dựng thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh trong các trường hợp:

+ Điều chỉnh thiết kế do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực (trừ trường hợp làm tăng tính an toàn cho công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

+ Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt dự toán xây dựng công trình đã được Tổng cục trưởng phê duyệt.

- Trong trường hợp điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của chủ đầu tư và không thuộc trường hợp phải thẩm định của Sở Xây dựng theo quy định trên, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở để quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh.

Điều 15. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Tổng cục trưởng xem xét, phê duyệt;

b) Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (trong đó quy định chi tiết về nội dung phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu) được lập theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Vụ Kế hoạch tài chính chịu trách nhiệm thẩm định, lập Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Căn cứ đề nghị và Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Vụ Kế hoạch tài chính, Tổng cục trưởng xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm cơ sở để chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu được ban hành.

Điều 16. Lựa chọn nhà thầu để thực hiện các công việc trong hoạt động xây dựng và ký hợp đồng xây dựng

1. Lựa chọn nhà thầu

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

2. Ký hợp đồng xây dựng

a) Sau khi phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng xây dựng với các nhà thầu. Việc ký hợp đồng xây dựng, thực hiện hợp đồng (tạm ứng, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng xây dựng) thực hiện theo Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng, Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình.

b) Khi ký hợp đồng xây dựng với các nhà thầu, hợp đồng trọn gói là loại hợp đồng cơ bản. Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn đơn giản; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có quy mô nhỏ (gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa có giá trị gói thầu không quá 10 tỷ đồng; gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá trị gói thầu không quá 20 tỷ đồng) phải áp dụng hợp đồng trọn gói.

Điều 17. Quản lý thi công xây dựng công trình

1. Quản lý chất lượng xây dựng công trình

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Quản lý tiến độ thi công xây dựng

Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm theo dõi, giám sát tiến độ thi công xây dựng công trình và điều chỉnh tiến độ trong trường hợp tiến độ thi công xây dựng ở một số giai đoạn bị kéo dài nhưng không được làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của dự án.

Trường hợp xét thấy tiến độ tổng thể của dự án bị kéo dài thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định điều chỉnh tiến độ tổng thể của dự án.

3. Quản lý khối lượng thi công xây dựng

a) Nhà thầu thi công xây dựng phải hoàn thành thi công xây dựng công trình theo thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết;

b) Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng được quy định sau:

- Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng cung cấp thiết bị là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được Tổng cục trưởng xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh: Bổ sung những khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng nhưng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được Tổng cục trưởng xem xét, quyết định; các khối lượng công việc đã có đơn giá trong hợp đồng được xác định theo khối lượng

hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng đã ký) được nghiệm thu.

- Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng phải thống nhất đơn giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện.

c) Khối lượng thi công xây dựng được tính toán, xác nhận giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát theo thời gian hoặc giai đoạn thi công và được đối chiếu với khối lượng thiết kế được duyệt để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng.

d) Khi có khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng phải xem xét để xử lý. Khối lượng phát sinh được chủ đầu tư hoặc Tổng cục trưởng chấp thuận, phê duyệt là cơ sở để thanh toán, quyết toán công trình.

đ) Nghiêm cấm việc khai khống, khai tăng khối lượng hoặc thông đồng giữa các bên tham gia dẫn đến làm sai khối lượng thanh toán.

4. Quản lý an toàn lao động

Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người lao động, thiết bị, phương tiện thi công và công trình trước khi thi công xây dựng.

Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi xảy ra sự cố mất an toàn phải tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đến khi khắc phục xong mới được tiếp tục thi công. Người để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Quản lý môi trường xây dựng

Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

Điều 18. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng

1. Nguyên tắc quản lý

Chi phí đầu tư xây dựng (Tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng) phải được tính đúng, tính đủ cho từng dự án, công trình, gói thầu xây dựng, phù hợp với yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, điều kiện xây dựng, mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí và khu vực xây dựng công trình.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác, sử dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt (gồm cả trường hợp tổng mức đầu tư được điều chỉnh).

Tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt chỉ được phép điều chỉnh trong các trường hợp:

a) Do ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án khi đã được chủ đầu tư chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;

d) Khi chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá xây dựng được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

Tổng cục trưởng phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh. Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh gồm tổng mức đầu tư xây dựng đã phê duyệt cộng (hoặc trừ) phần giá trị tăng (hoặc giảm). Phần giá trị tăng (hoặc giảm) phải được thẩm tra, thẩm định làm cơ sở để phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh.

2. Tạm ứng, thanh toán vốn được giao

Chủ đầu tư thực hiện tạm ứng, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư được giao theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

a) Kế hoạch vốn năm của dự án được tạm ứng chậm nhất là đến ngày 31/12 năm kế hoạch (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31/01 năm sau);

b) Kế hoạch vốn năm của dự án thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31/12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31/01 năm sau (kể cả thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng);

c) Hết năm kế hoạch, chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn đầu tư công được giao trong năm; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư theo quy định về chế độ, biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công, cụ thể:

- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công, Báo cáo kế hoạch và thanh toán nguồn vốn đầu tư công - Ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có) niên độ ngân sách năm trước ngày 01/4 năm sau;

- Báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn trước ngày 01/4 năm cuối cùng của kế hoạch đầu tư công trung hạn;

- Bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm trước khi lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công niên độ ngân sách năm.

3. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

a) Sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo các Biểu mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;

b) Trong trường hợp Tổng cục Thống kê yêu cầu kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án; chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về hợp đồng;

c) Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ quyết toán đến Tổng cục Thống kê (Vụ Kế hoạch tài chính) để thực hiện thẩm tra trước khi trình Tổng cục trưởng phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Hồ sơ quyết toán bao gồm các tài liệu sau:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán độc lập;

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này (bản chính);

- Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;

- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng với các nhà thầu, gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); hồ sơ hoàn công, nhật ký thi

công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng;

- Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của Sở Xây dựng (bản chính);

- Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính);

- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

d) Vụ Kế hoạch tài chính tổ chức thẩm tra quyết toán, lập Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán, dự thảo Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định.

đ) Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành đến Tổng cục Thống kê được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa công trình của dự án vào sử dụng và quy định cụ thể như sau:

- Đối với dự án nhóm B: Thời gian tối đa là 06 tháng;

- Đối với dự án nhóm C: Thời gian tối đa là 03 tháng.

e) Chế độ báo cáo quyết toán:

- Chậm nhất vào ngày 10/7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 20/01 năm sau đối với báo cáo năm, chủ đầu tư báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 12/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính gửi Tổng cục Thống kê (Vụ Kế hoạch tài chính);

- Chậm nhất vào ngày 15/7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 30/01 năm sau đối với báo cáo năm, Tổng cục Thống kê (Vụ Kế hoạch tài chính) báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 19. Nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng đưa vào sử dụng

1. Nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016, cụ thể gồm:

a) Nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công và nghiệm thu các giai đoạn chuyển bước thi công khi cần thiết.

Thực hiện khi kết thúc một giai đoạn thi công hoặc một bộ phận công trình cần phải thực hiện kiểm tra, nghiệm thu để đánh giá chất lượng trước khi chuyển sang giai đoạn thi công tiếp theo.

b) Nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng khi đã có đủ các điều kiện:

- Các công việc xây dựng đã thực hiện được nghiệm thu theo đúng quy định. Kết quả kiểm tra, thí nghiệm, chạy thử (nếu có) đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế xây dựng;

- Không còn tồn tại lớn về chất lượng thi công xây dựng làm ảnh hưởng đến an toàn sử dụng công trình;

- Đã được cơ quan cảnh sát về phòng cháy và chữa cháy nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy; được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan thỏa thuận về thời điểm nghiệm thu, trình tự và nội dung nghiệm thu; kết quả nghiệm thu phải được lập thành biên bản. Tổ chức, cá nhân tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình xác nhận khi nghiệm thu công trình xây dựng

3. Công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép bàn giao, đưa vào sử dụng khi:

- Xây dựng hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt, vận hành đúng yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đạt yêu cầu chất lượng theo quy định;

- Sở Xây dựng đã kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư.

4. Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng được lập theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016.

5. Bàn giao công trình xây dựng

Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận công trình theo đúng hợp đồng đã ký kết với nhà thầu. Người tham gia bàn giao công trình phải chịu trách nhiệm về

sản phẩm do mình xác nhận trong quá trình bàn giao công trình xây dựng. Việc bàn giao công trình xây dựng phải được lập thành biên bản.

Hồ sơ bàn giao công trình gồm: Hồ sơ hoàn thành công trình; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy định bảo trì công trình.

Điều 20. Bảo hành và kết thúc xây dựng công trình

1. Bảo hành công trình xây dựng

a) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo hành công trình do mình thi công. Nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành thiết bị do mình cung cấp;

b) Thời gian bảo hành đối với công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng và quy định không được ít hơn 12 tháng;

c) Thời gian bảo hành đối với các thiết bị công trình được xác định theo hợp đồng xây dựng nhưng không ngắn hơn thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất và được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị;

d) Hình thức bảo hành có thể bằng tiền hoặc bằng thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng có giá trị tương đương. Mức tiền bảo hành quy định tối thiểu bằng 5% giá trị hợp đồng;

đ) Khi kết thúc thời gian bảo hành, nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu bằng văn bản.

2. Kết thúc xây dựng công trình

a) Kết thúc xây dựng công trình khi chủ đầu tư đã nhận bàn giao toàn bộ công trình và công trình đã hết thời gian bảo hành theo quy định;

b) Trước khi bàn giao công trình, nhà thầu xây dựng phải di chuyển hết tài sản của mình ra khỏi khu vực công trường xây dựng.

3. Khai thác, sử dụng công trình xây dựng

a) Sau khi nhận bàn giao công trình xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm khai thác, quản lý sử dụng đảm bảo hiệu quả công trình, dự án theo đúng mục đích và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt;

b) Chủ đầu tư hoặc tổ chức được giao quản lý sử dụng công trình xây dựng có trách nhiệm thực hiện duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình theo quy định.

Điều 21. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình

Hồ sơ hoàn thành công trình công trình xây dựng được lập và lưu trữ theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016.

1. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm lập bản vẽ hoàn công hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành theo hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016.

2. Chủ đầu tư tổ chức lập và lưu trữ Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng trước khi tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng theo danh mục quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016. Các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng công trình lập và lưu trữ hồ sơ đối với phần việc do mình thực hiện.

3. Thời gian lưu trữ hồ sơ tối thiểu là 10 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm A, 7 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm B và 5 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm C kể từ khi đưa công trình xây dựng vào sử dụng

Chương IV CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 22. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

1. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Chế độ báo cáo

a) Định kỳ 6 tháng, cả năm, Tổng cục Thống kê (Vụ Kế hoạch tài chính) thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định.

b) Chủ đầu tư dự án thực hiện:

- Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015;

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015;

- Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án trong trường hợp phải điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015;

- Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015;

- 6 tháng, năm đầu tiên sau khi dự án được đưa vào vận hành, báo cáo giám sát, đánh giá trong giai đoạn khai thác, vận hành dự án hoàn thành.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Vụ Kế hoạch tài chính chịu trách nhiệm phổ biến các nội dung của Quy định thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này cho các đơn vị thuộc Tổng cục; tổng hợp các phát sinh, vướng mắc để báo cáo Lãnh đạo Tổng cục xem xét, xử lý theo quy định.

1. Trong toàn bộ quá trình quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, các nội dung theo Quy định này và các quy định khác của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có).

2. Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước do Tổng cục Thống kê quản lý có trách nhiệm phản ánh những khó khăn, báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời những vấn đề phát sinh hoặc chưa phù hợp với thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bích Lâm